

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành

Ngày 31/12/2025	6,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.6%	5.1%	9.1%

DT thuần Q4/25
14.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.50 -3.2%
YoY: ▲ 5.46 59.9%

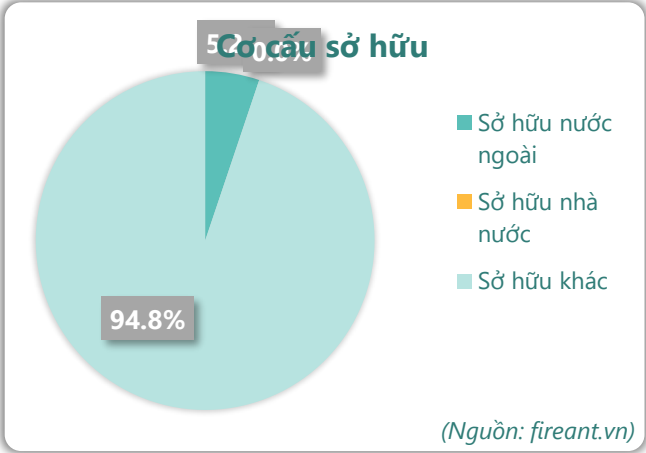
LN thuần Q4/25
18.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0 242%
YoY: ▼0.80 -4.2%

LN sau thuế Q4/25
15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.4 281%
YoY: ▲ 13.9 923%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
62.9%
YoY: +/- ▲ 58.6%

ROE 2025
1.5%
YoY: +/- ▲ 1.1%

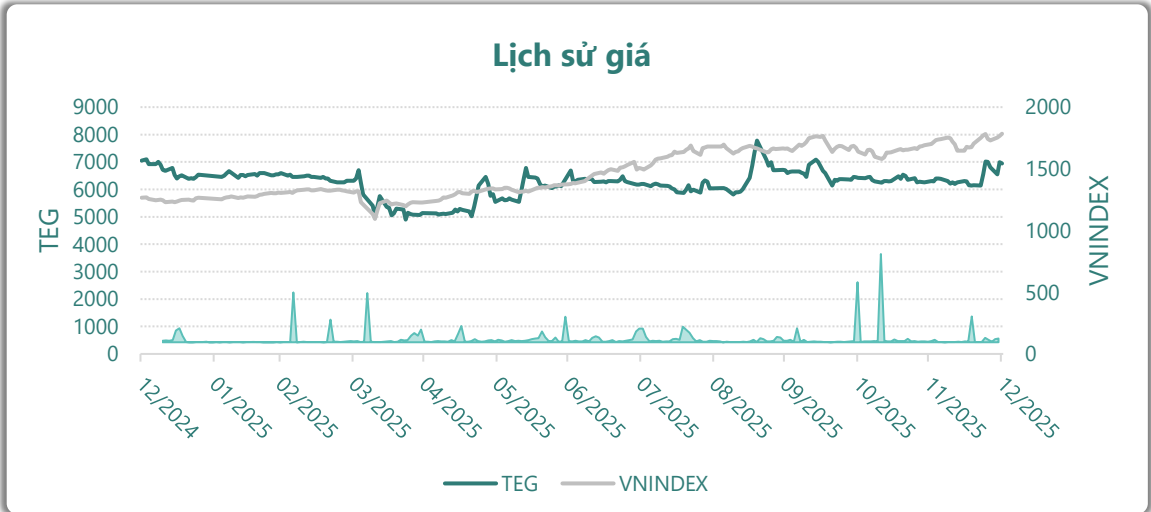
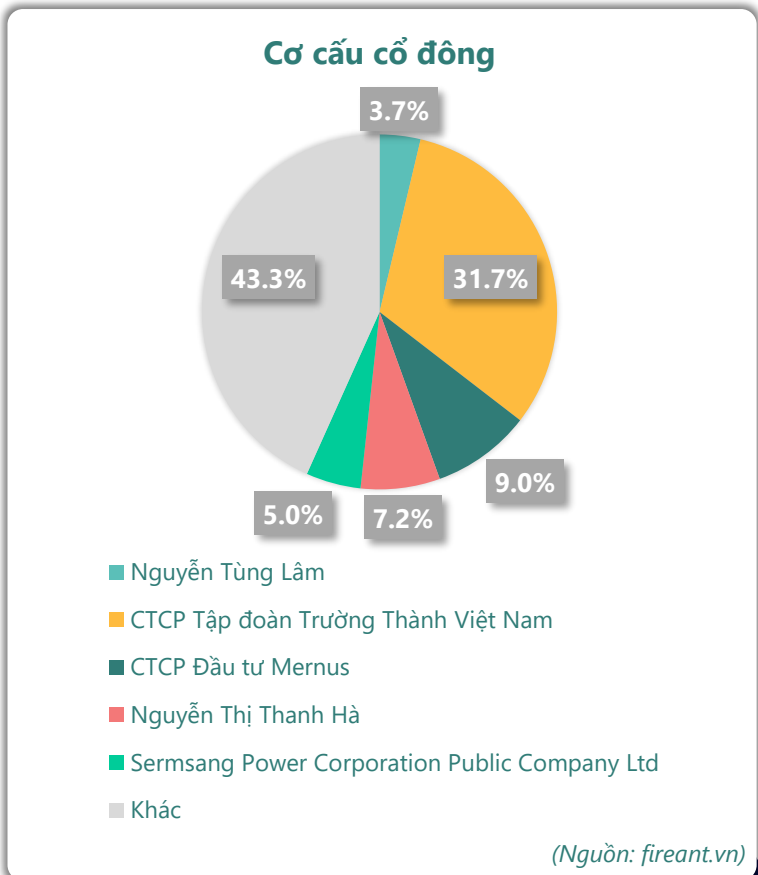
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,900 - 7,780
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	840
Số lượng CPLH (CP)	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175,770
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.53
EPS	182
P/E	38.3



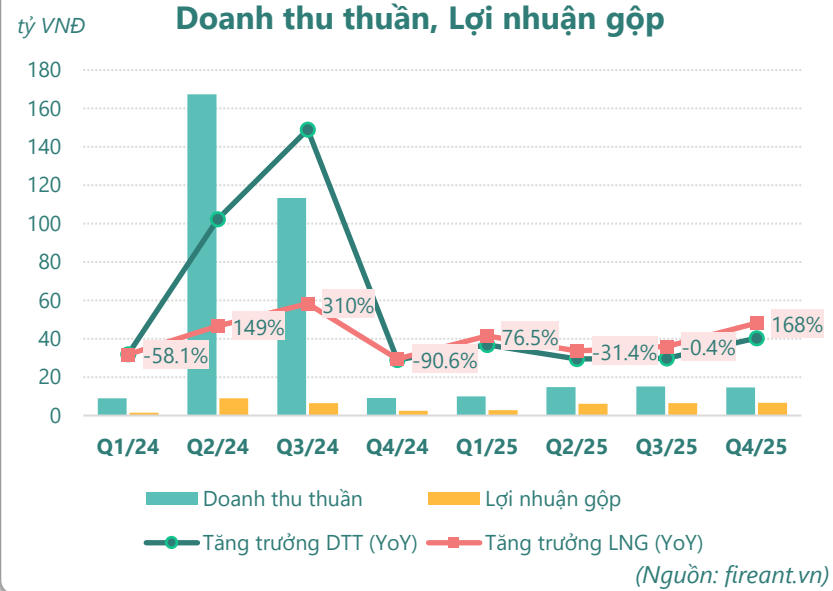
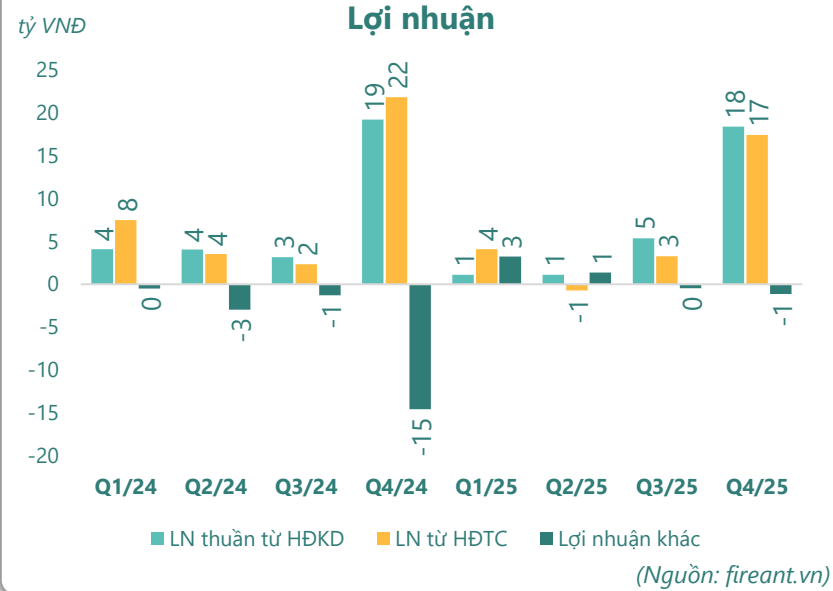
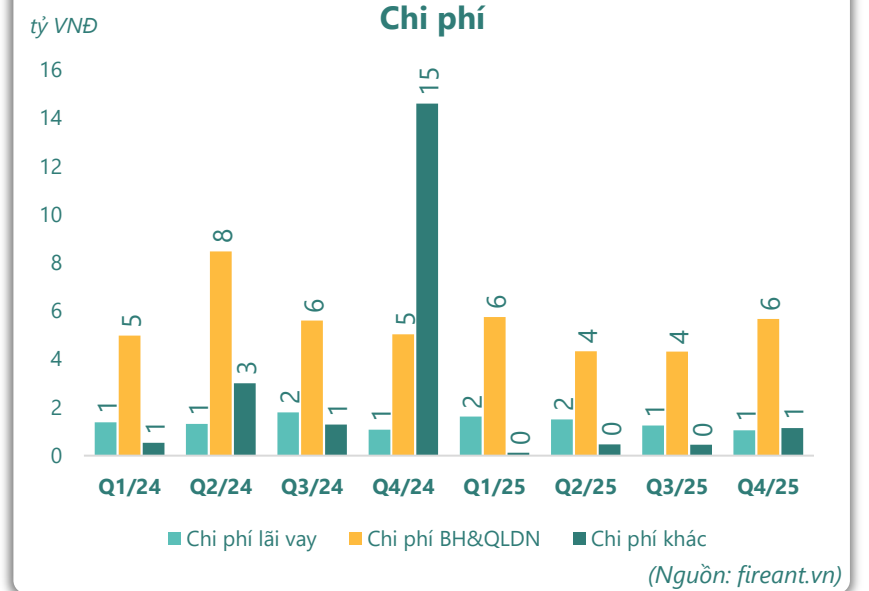
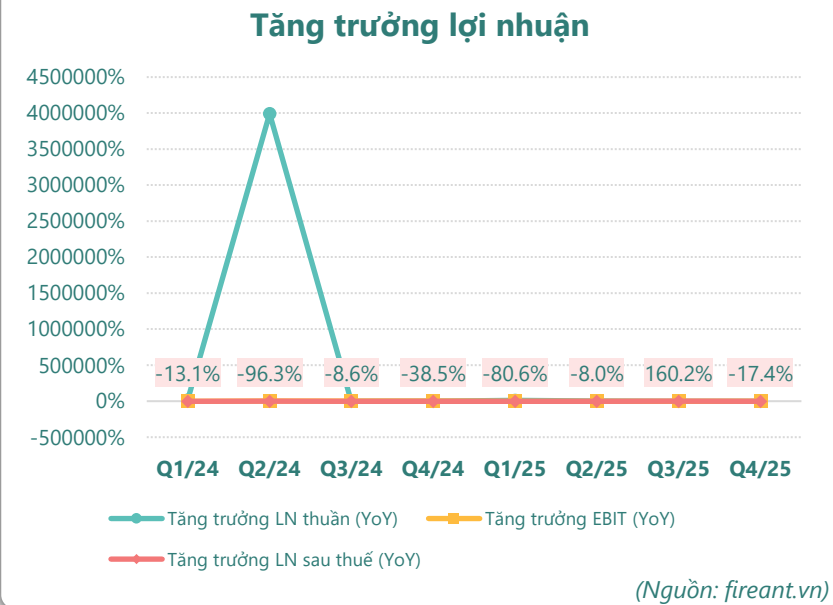
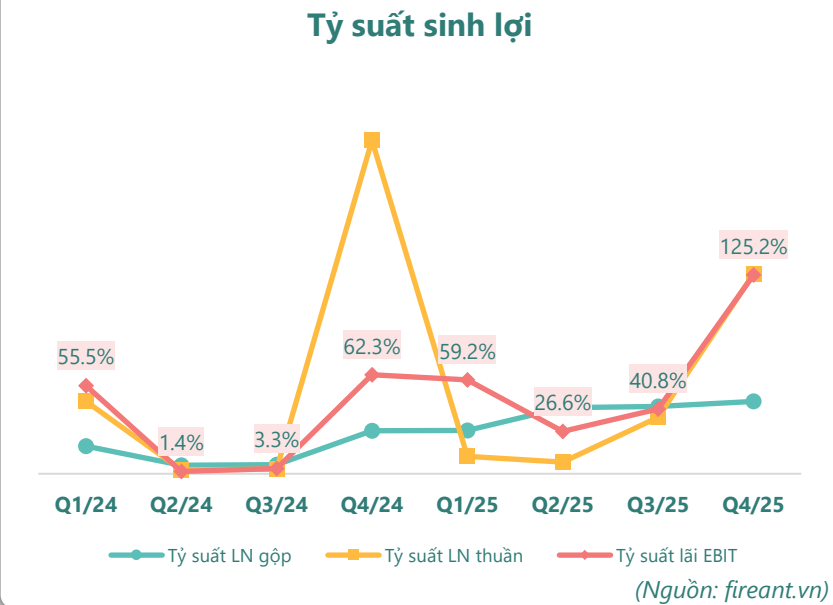
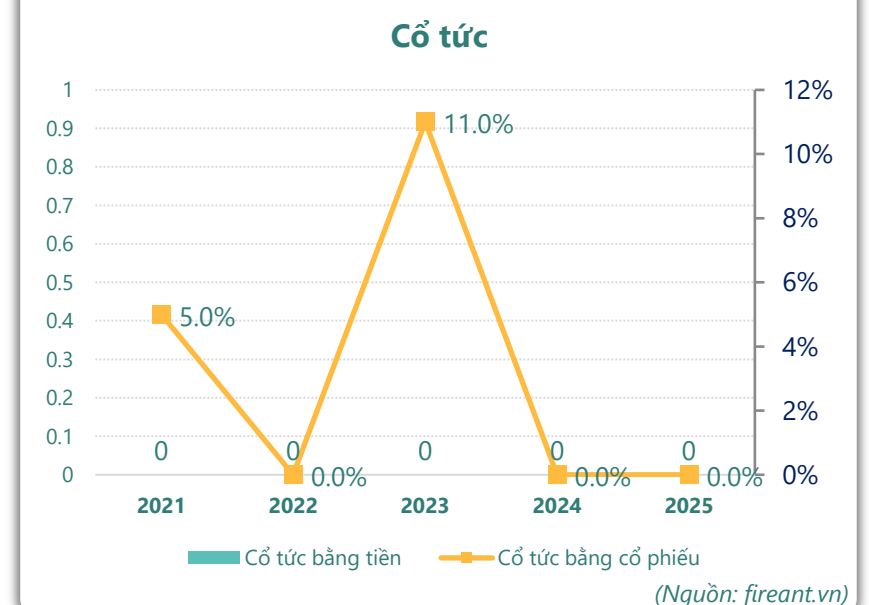
DT thuần 2025
54.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼244 -81.7%

LN thuần 2025
26.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.90 -3.3%

LN sau thuế 2025
25.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.7 850%



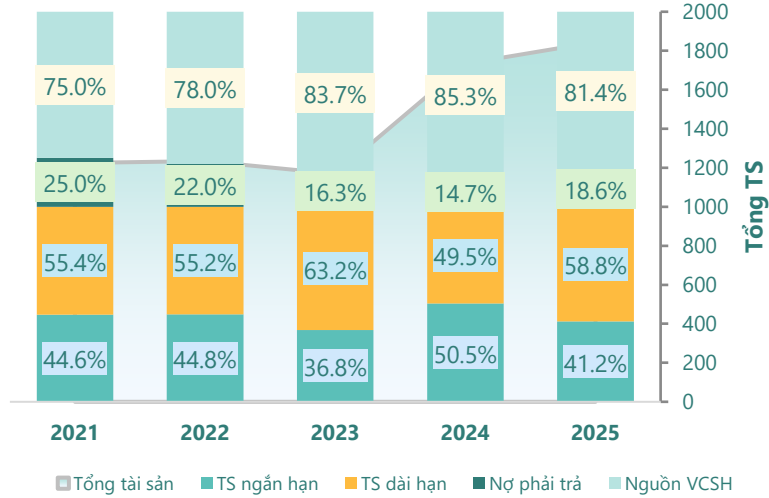
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

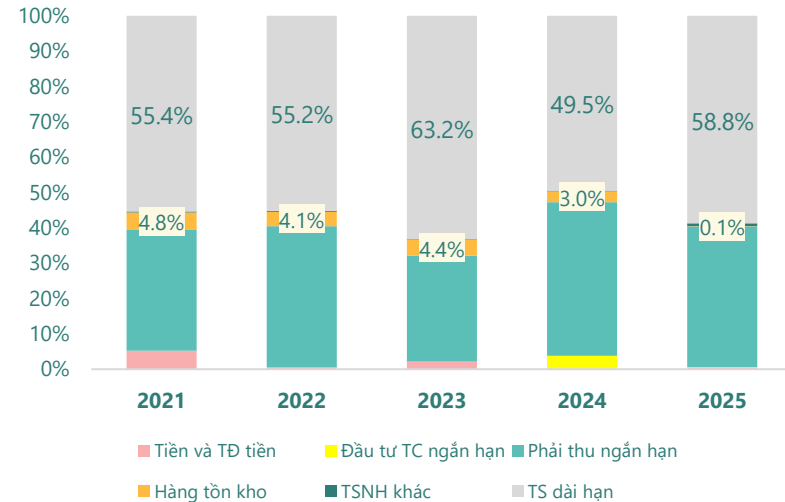
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

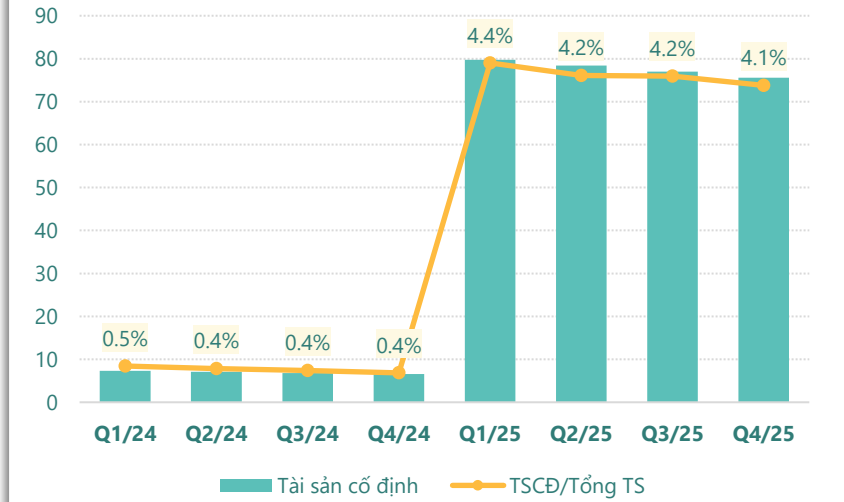
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

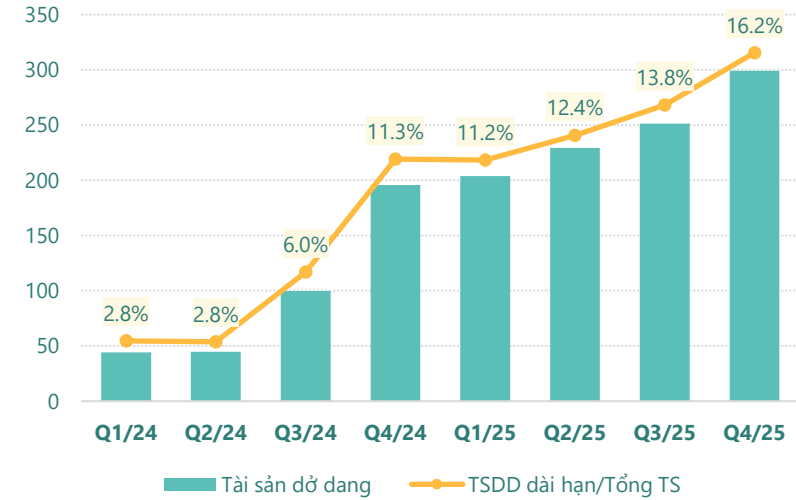
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

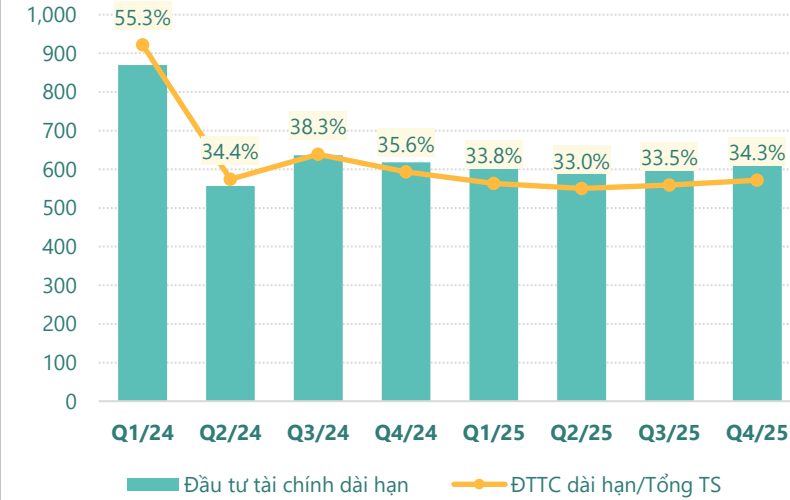
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

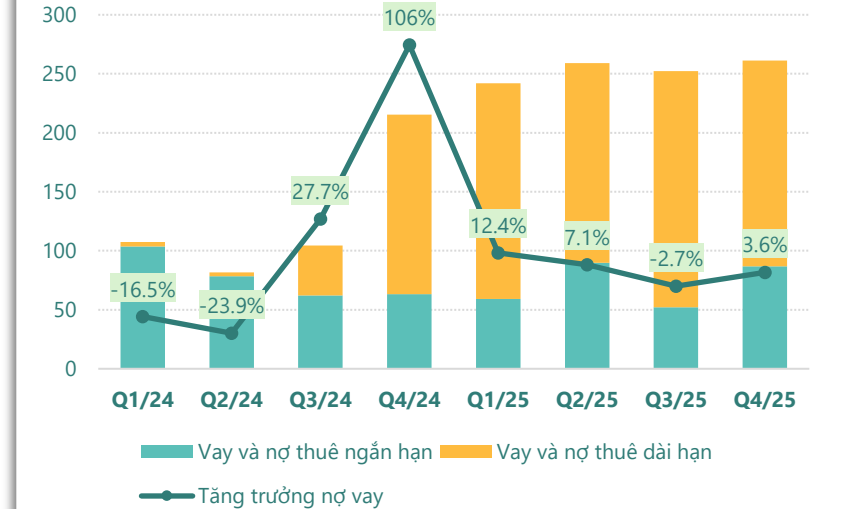
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

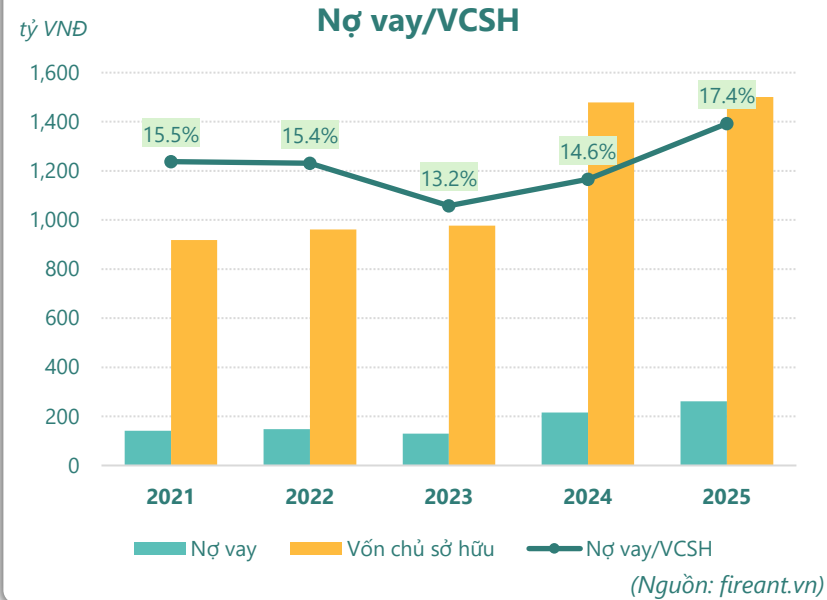
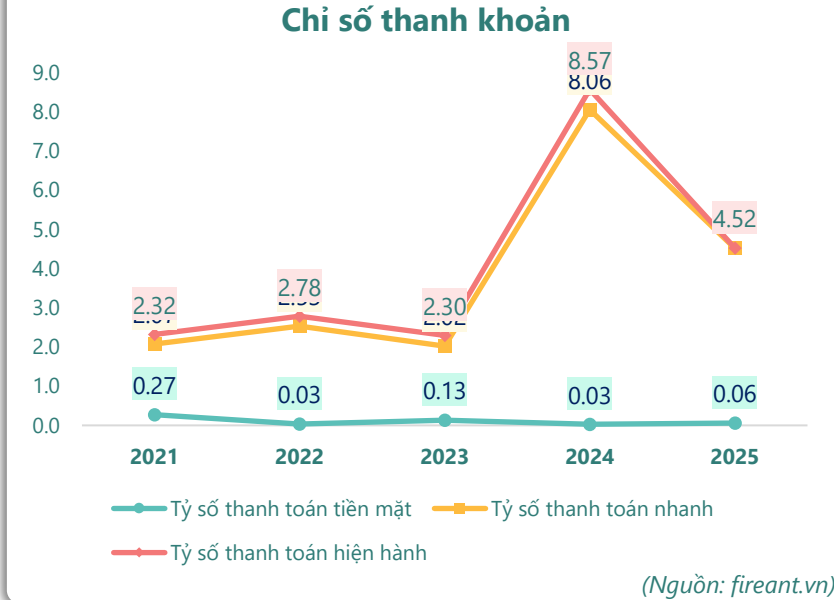
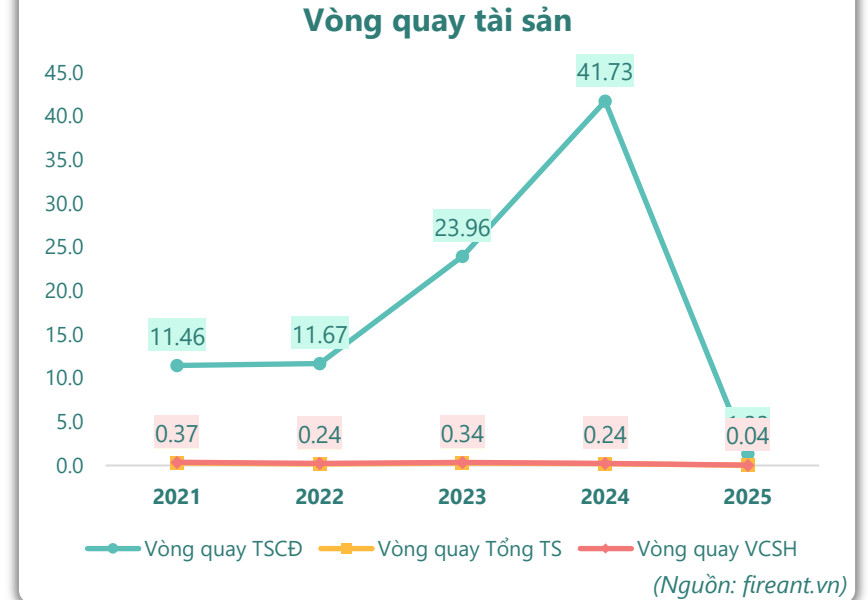
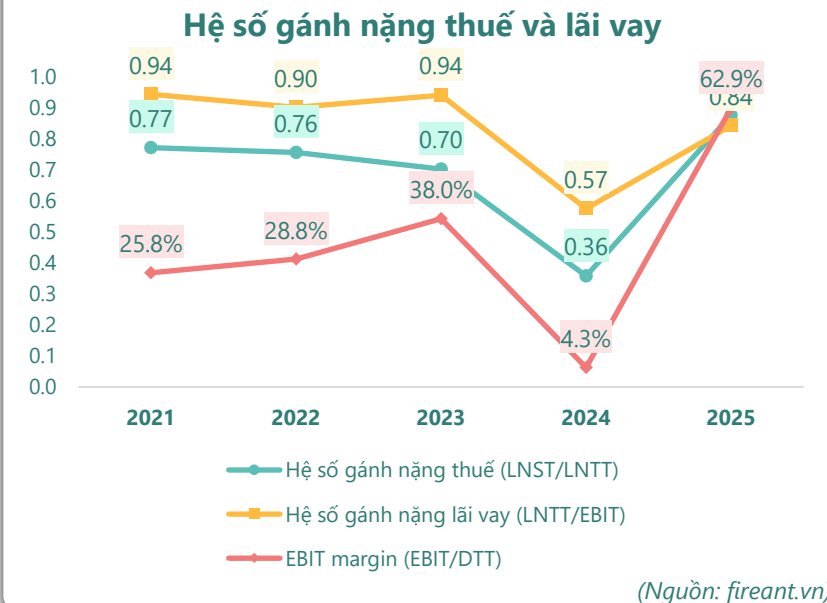
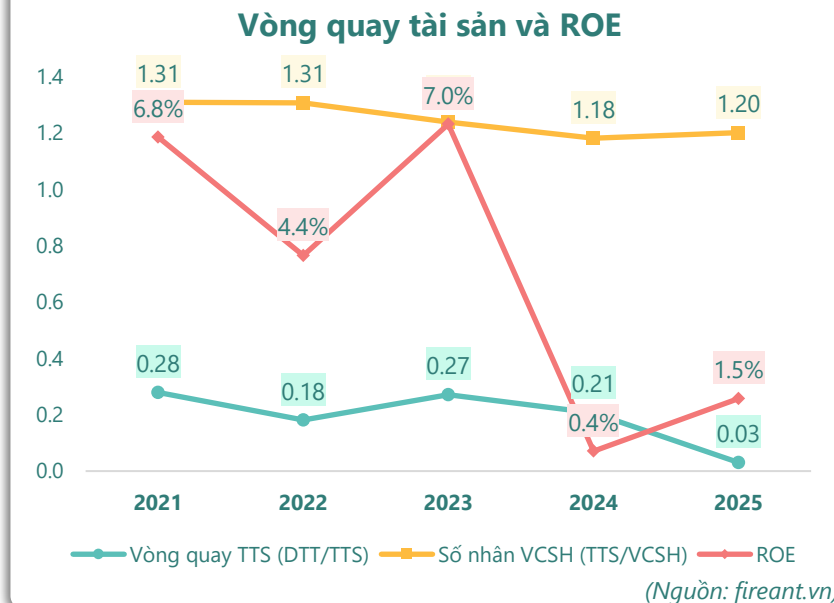
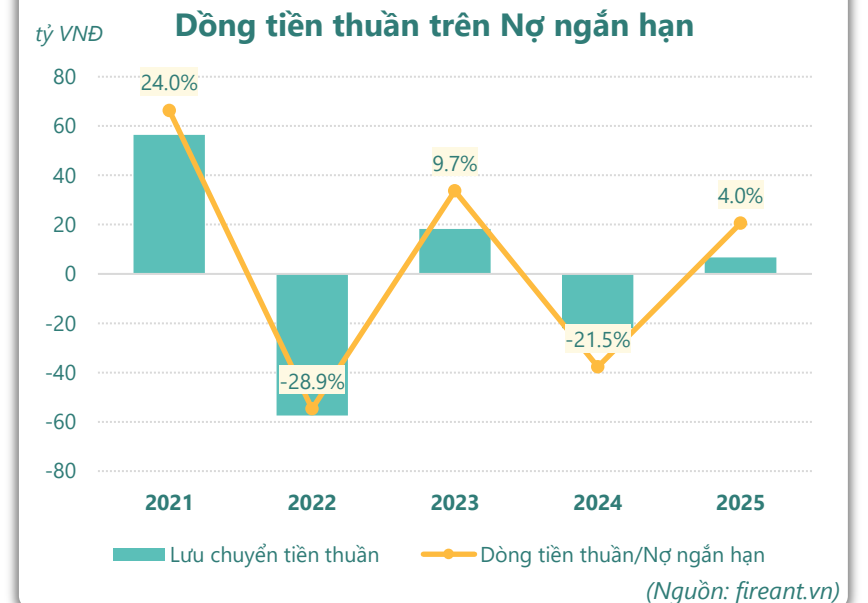
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	14.6	9.14	59.9%	54.6	299	-81.7%
Giá vốn hàng bán	7.95	6.66	19.4%	32.6	279	-88.3%
Lợi nhuận gộp	6.66	2.48	169%	22.0	19.5	12.9%
Doanh thu HĐTC	18.8	23.2	-19.1%	33.5	43.4	-22.9%
Chi phí TC	1.35	1.39	-2.8%	9.39	12.0	-22.0%
Chi phí lãi vay	1.05	1.08	-2.6%	5.42	5.53	-1.9%
LN trong công ty LKLD	-0.01	-0.08	82.0%	-0.05	-0.08	35.6%
Chi phí bán hàng	0.79	0.00		0.94	0	
Chi phí QLDN	4.88	5.04	-3.2%	19.1	24.0	-20.1%
LN thuần từ HĐKD	18.4	19.2	-4.2%	26.0	26.9	-3.3%
Lợi nhuận khác	-1.14	-14.6	92.2%	3.00	-19.4	116%
LN trước thuế	17.3	4.62	273%	29.0	7.47	288%
Lợi nhuận sau thuế	15.4	1.51	923%	25.4	2.67	850%
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	3.72	296%	21.9	4.96	342%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	101	-67.3	544	-527	78.6	27.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-144	-44.0	-568	538	-93.1	-43.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.6	111	24.8	-8.49	21.7	12.4
Tiền đầu kỳ	23.3	3.23	2.94	3.56	5.69	12.8
Lưu chuyển tiền thuần	-20.1	-0.29	0.61	2.13	7.14	-3.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	3.23	2.94	3.56	5.69	12.8	9.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,844	1,733	6.4%
Tài sản ngắn hạn	761	875	-13.1%
Tiền và tương đương tiền	9.68	2.94	229%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.08	62.7	-96.7%
Phải thu ngắn hạn	733	754	-2.7%
Hàng tồn kho	1.88	52.7	-96.4%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	3.19	323%
Tài sản dài hạn	1,084	858	26.3%
Phải thu dài hạn	75.4	30.0	151%
Tài sản cố định	75.6	6.60	1045%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	299	196	52.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	632	614	3.0%
Tài sản dài hạn khác	1.14	1.60	-29.2%
Lợi thế thương mại	0	9.61	-100%
Nợ phải trả	343	255	34.6%
Nợ ngắn hạn	168	102	64.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.9	63.4	37.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.79	8.03	-27.8%
Nợ dài hạn	175	153	14.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	174	152	14.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,501	1,478	1.6%
Vốn chủ sở hữu	1,501	1,478	1.6%
Vốn điều lệ	1,208	1,208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

